

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1/2012	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>171,140,758,547</b>	<b>160,028,784,827</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1,990,383,960</b>	<b>8,454,420,621</b>
1. Tiền	111		1,498,480,340	7,962,517,001
2. Các khoản tương đương tiền	112		491,903,620	491,903,620
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>80,314,127,860</b>	<b>66,542,163,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	92,410,744,488	89,118,764,628
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(12,096,616,628)	(22,576,601,628)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>71,660,398,122</b>	<b>66,233,958,708</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	5,847,151,749	5,651,324,374
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	63,647,807,600	58,125,787,400
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	V.6	335,402,133	626,810,294
5. Các khoản phải thu khác	135	V.7	1,937,273,440	1,937,273,440
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(107,236,800)	(107,236,800)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>15,019,302,916</b>	<b>17,210,153,563</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	15,019,302,916	17,210,153,563
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,156,545,689</b>	<b>1,588,088,935</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		230,475,001	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		415,020,600	455,293,452
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	1,511,050,088	1,132,795,483

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1/2012	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>10,228,098,393</b>	<b>10,296,473,917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>225,649,393</b>	<b>290,351,417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	225,649,393	290,351,417
<i>Nguyên giá</i>	222		2,236,642,438	2,236,642,438
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2,010,993,045)	(1,946,291,021)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10,000,000,000</b>	<b>10,000,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10,000,000,000	10,000,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,449,000</b>	<b>6,122,500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2,449,000	6,122,500
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>181,368,856,940</b>	<b>170,325,258,744</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý 1/2012	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>70,778,613,452</b>	<b>70,882,082,780</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>20,678,613,452</b>	<b>20,782,082,780</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		9,490,000,000	7,625,000,000
2. Phải trả người bán	312	V.13	4,892,235,016	6,351,591,100
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	963,314,189	1,662,933,866
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	1,215,277,401	660,281,803
5. Phải trả người lao động	315	V.16	1,281,967,880	1,755,711,040
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1,797,744,824	1,726,666,667
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	382,000,870	343,825,032
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	656,073,272	656,073,272
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50,100,000,000</b>	<b>50,100,000,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		100,000,000	100,000,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	50,000,000,000	50,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>110,590,243,488</b>	<b>99,443,175,964</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>110,590,243,488</b>	<b>99,443,175,964</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	94,844,680,000	94,844,680,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	5,015,044,372	5,015,044,372
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.22	672,587,253	672,587,253
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.22	10,057,931,863	(1,089,135,661)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH****TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN****440****181,368,856,940****170,325,258,744**

-

-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	<u>Số cuối quý 1/2012</u>		<u>Số đầu năm</u>	
1. Tài sản thuê ngoài	V.53	-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.54	-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	V.55	-	-	-	-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2012

---

**Trần Thị Phương Lan**  
Kế toán trưởng

---

**Phạm Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT LIÊN**

Địa chỉ: số 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý I/2012 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
QUÝ I/2012**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			QUÝ I/ 2012	QUÝ I/2011	Năm 2012	Năm 2011
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	13,370,162,499	6,287,928,004	13,370,162,499	6,287,928,004
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.1				
3.Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	13,370,162,499	6,287,928,004	13,370,162,499	6,287,928,004
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11,509,309,648	5,365,464,597	11,509,309,648	5,365,464,597
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1,860,852,851	922,463,407	1,860,852,851	922,463,407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	611,734,520	1,455,333,012	611,734,520	1,455,333,012
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-10,030,762,263	66,719,878	-10,030,762,263	66,719,878
-Trong đó: Chi phí lãi vay	23		331,687,500	-	331,687,500	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	465,646,261	636,453,521	465,646,261	636,453,521
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	530,119,913	546,009,721	530,119,913	546,009,721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 +(21-22)- (24 + 25)]	30		11,507,583,460	1,128,613,299	11,507,583,460	1,128,613,299
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11,507,583,460	1,128,613,299	11,507,583,460	1,128,613,299
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		360,515,936	255,744,326	360,515,936	255,744,326
16. Chuyển lỗ năm 2011	52		7,745,143,019	-	7,745,143,019	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3,401,924,505	872,868,973	3,401,924,505	872,868,973
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	359	61	359	61

Lập ngày 17 tháng 04 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc

TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN

PHẠM ĐÌNH DŨNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2012	Quý 1/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>11,507,583,460</b>	<b>999,431,473</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		64,702,024	167,675,472
- Các khoản dự phòng	03		(10,479,985,000)	8,689,740,000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(561,866,860)	(1,282,197,012)
- Chi phí lãi vay	06		331,687,500	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>862,121,124</b>	<b>8,574,649,933</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5,764,421,167)	(18,437,723,859)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,190,850,647	(4,649,798,412)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,968,469,328)	(5,591,930,501)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3,673,500	40,836,021
- Tiền lãi vay đã trả	13		(331,687,500)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(613,881,181)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(5,007,932,724)</b>	<b>(20,677,847,999)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(17,932,910,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		6,424,939,203	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		561,866,860	443,916,122
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(10,946,103,937)</b>	<b>443,916,122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**

Địa chỉ: 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2012	Quý 1/2011
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9,490,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<b>9,490,000,000</b>	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(6,464,036,661)</b>	<b>(20,233,931,877)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>8,454,420,621</b>	<b>52,539,741,845</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngo:	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1,990,383,960</b>	<b>32,305,809,968</b>

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 4 năm 2012

**Trần Thị Phương Lan**  
Kế toán trưởng

**Phạm Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Ngày 31/03/2012**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Viễn Liên được thành lập theo Giấy phép thành lập Công ty số 223/GP ngày 02 tháng 3 năm 1993 do Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059051 ngày 05 tháng 3 năm 1993 do Sở Kế hoạch đầu tư cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại 86 Trần Trọng Cung, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là mua bán sản phẩm tin học, thiết bị đầu cuối viễn thông; Sửa chữa, bảo trì các thiết bị buro chính viễn thông, tin học, điện lạnh; Mua bán cáp, thiết bị viễn thông; Xây lắp các công trình buro chính viễn thông; Thiết kế công trình thông tin liên lạc và buro chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột anten); Đại lý dịch vụ buro chính viễn thông.

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 năm
- Máy móc, thiết bị	6 - 8 năm
- Phương tiện vận tải	2 - 3 năm

#### **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành / hoặc theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa khối lượng xây lắp đã hoàn thành so với tổng khối lượng xây lắp phải hoàn thành của Hợp đồng.

**11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**13. Báo cáo bộ phận**

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Tiền mặt	78.663.392	611.149.097
Tiền gửi ngân hàng	1.419.816.948	7.351.367.904
Các khoản tương đương tiền	491.903.620	491.903.620
<b>Cộng</b>	<b>1.990.383.960</b>	<b>8.454.420.621</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số lượng cổ phiếu	<b>31/03/2012</b>	Số lượng cổ phiếu	<b>01/01/2012</b>
		VND		VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		53.875.969.488		50.583.989.628
- Công ty cổ phần chứng khoán Sài Gòn	1.715.070	43.259.530.860	1.735.070	43.649.530.860
- Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam	5	64.860	55.030	907.995.000
- Công ty cổ phần Chứng khoán	970.000	10.385.373.768	500.000	6.026.463.768

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	Số lượng cổ phiếu	31/03/2012 VND	Số lượng cổ phiếu	01/01/2012 VND
<i>VNDIRECT</i>				
- Công ty cổ phần cáp và vật liệu Viễn Thông	50.000	231.000.000		
Đầu tư ngắn hạn khác		38.534.775.000		38.534.775.000
- Cho Ông Nguyễn Văn Dồn vay với lãi suất 20%/năm		1.000.000.000		1.000.000.000
- Hợp tác đầu tư với Bà Lê Mộng Huyền		37.534.775.000		37.534.775.000
<b>Cộng</b>		<b>92.410.744.488</b>		<b>89.118.764.628</b>
<b>3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>			<b>Số trích lập</b>	
- Trích lập giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn đến 31/12/2011				22.576.601.628
- Hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn Đến 31/03/2012				(10.479.985.000)
<b>Cộng</b>				<b>12.096.616.628</b>
<b>4. Phải thu khách hàng</b>		<b>31/03/2012</b>		<b>01/01/2012</b>
		VND		VND
Công ty Điện thoại đồng thành phố Hồ Chí Minh		1.933.269.854		3.005.254.916
Công ty cổ phần thiết kế xây lắp Viễn Đông		66.665.000		-
Công ty TNHH metro Cash & Carry Việt Nam		9.702.000		48.510.000
Công ty Điện thoại tây thành phố Hồ Chí Minh		2.562.987.850		1.784.169.606
Các khách hàng khác		1.274.527.045		813.389.852
<b>Cộng</b>		<b>5.847.151.749</b>		<b>5.651.324.374</b>
<b>5. Trả trước cho người bán</b>		<b>31/12/2011</b>		<b>01/01/2011</b>
		VND		VND
Trung tâm quỹ đất - Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang		23.256.013.800		20.733.993.600
Ban quản lý khu công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh		358.192.800		358.192.800
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Kiến Việt		550.000.000		550.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kiên Giang		18.331.221.000		15.331.221.000
Các nhà cung cấp khác		21.152.380.000		21.152.380.000
<b>Cộng</b>		<b>63.647.807.600</b>		<b>58.125.787.400</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****6. Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng**

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty điện thoại đồng thành phố Hồ Chí Minh	-	175.047.389
Công ty điện thoại tây thành phố Hồ Chí Minh	335.402.133	451.762.905
<b>Cộng</b>	<b>335.402.133</b>	<b>626.810.294</b>

**7. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Lãi dự thu	217.125.568	217.125.568
Thuế thu nhập cá nhân tạm thu	93.270.795	93.270.795
Huyện Phan Thanh Vũ	1.550.303.000	1.550.303.000
Phải thu khác	76.574.077	76.574.077
<b>Cộng</b>	<b>1.937.273.440</b>	<b>1.937.273.440</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	10.069.024.836	12.129.481.855
Thành phẩm	110.772.118	46.575.833
Hàng hóa	4.839.505.962	5.034.095.875
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>15.019.302.916</b>	<b>17.210.153.563</b>

**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	1.271.115.713	839.221.037
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	239.934.375	293.574.446
<b>Cộng</b>	<b>1.511.050.088</b>	<b>1.132.795.483</b>

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	1.165.369.963	862.686.688	208.585.787	2.236.642.438
Mua sắm mới	-	-	-	-
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.165.369.963</b>	<b>862.686.688</b>	<b>208.585.787</b>	<b>2.236.642.438</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số dư đầu năm	1.129.173.620	608.531.614	208.585.787	1.946.291.021
Khấu hao trong kỳ	35.340.256	29.361.768	-	64.702.024
Thanh lý trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.164.513.876</b>	<b>637.893.382</b>	<b>208.585.787</b>	<b>2.010.993.045</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	36.196.343	254.155.074	-	290.351.417
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>856.087</b>	<b>224.793.306</b>	-	<b>225.649.393</b>

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

(\*) Là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Xây lắp Thiết kế Viễn Đông với tỷ lệ vốn góp là 25%.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>01/01/2012</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</b>	<b>31/03/2012</b>
	VND			VND
Chi phí thuê kho	6.122.500	-	(3.673.500)	2.449.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.122.500</b>	-	<b>(3.673.500)</b>	<b>2.449.000</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	9.490.000.000	7.625.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.490.000.000</b>	<b>7.625.000.000</b>

**14. Phải trả người bán**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Các nhà cung cấp thiết bị viễn thông, tin học	4.466.585.448	4.870.141.917
Các nhà cung cấp dịch vụ khác	425.649.568	1.481.449.183
<b>Cộng</b>	<b>4.892.235.016</b>	<b>6.351.591.100</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****15. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Công ty điện thoại đồng TP. Hồ Chí Minh	381.714.189	1.074.528.008
Công ty điện thoại tây TP. Hồ Chí Minh	581.600.000	584.000.928
Các khách hàng khác	-	4.404.930
<b>Cộng</b>	<b><u>963.314.189</u></b>	<b><u>1.662.933.866</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2012</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã nộp trong năm</b>	<b>31/03/2012</b>
	VND			VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	212.453.021	1.366.157.072	(1.171.547.410)	407.062.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	360.515.936	-	360.515.936
Thuế thu nhập cá nhân	447.828.782	-	(130.000)	447.698.782
Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>660.281.803</u></b>	<b><u>1.726.673.008</u></b>	<b><u>(6.675.787.985)</u></b>	<b><u>1.215.277.401</u></b>

**17. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**18. Chi phí phải trả**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Tiền lãi vay phải trả	1.666.666.667	1.666.666.667
Chi phí phải trả khác	131.078.157	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.797.744.824</u></b>	<b><u>1.726.666.667</u></b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>31/03/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	382.000.870	343.825.032
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Cổ tức còn phải trả	-	-
Nhập tạm hàng hóa chưa có hóa đơn	-	-
Phải trả khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>382.000.870</u></b>	<b><u>343.825.032</u></b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

<b>20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi</b>	
Số đầu năm	<b>656.073.272</b>
Số trích lập trong năm	-
Số chi trong năm	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>656.073.272</u></b>

**21. Vay và nợ dài hạn**

Ngày 15/08/2010, Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng như sau:

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu.
- Số lượng trái phiếu phát hành: 50.000 trái phiếu (tương đương 50.000.000.000 VND trái phiếu tính theo mệnh giá)
- Lãi trái phiếu: 10%/năm
- Thời gian chuyển đổi dự kiến: 02 năm, có thể chuyển đổi trước thời hạn nhưng tối thiểu phải sau 01 năm kể từ ngày phát hành.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**22. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>47.439.330.000</b>	<b>30.641.500.000</b>	<b>(6.051.840.000)</b>	<b>6.091.336.352</b>	<b>672.587.253</b>	<b>19.131.458.700</b>	<b>97.924.372.305</b>
Chia cổ tức bằng cổ phiếu thưởng	12.791.890.000	-	-	-	-	(12.791.890.000)	-
Phát hành cổ phiếu thưởng	34.613.460.000	(28.522.123.648)	-	(6.091.336.352)	-	-	12.182.672.704
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	2.925.668.020	6.051.840.000	-	-	-	8.977.508.020
Phí thực hiện quyền giao dịch	-	(30.000.000)	-	-	-	-	(30.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	12.402.465.430	12.402.465.430
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2010	-	-	-	-	-	(4.743.933.000)	(4.743.933.000)
Trích lập quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(887.662.438)	(887.662.438)
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(720.000.100)	(720.000.100)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>672.587.253</b>	<b>12.390.438.592</b>	<b>112.922.750.217</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>672.587.253</b>	<b>(1.089.135.661)</b>	<b>99.443.175.964</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	11.147.067.524	11.147.067.524
Chi trả cổ tức đợt cuối năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập quỹ từ lợi nhuận trong năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
Thù lao hội đồng quản trị năm 2010	-	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>5.015.044.372</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>672.587.253</b>	<b>10.057.931.863</b>	<b>110.590.243.488</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/03/2012</b>		<b>01/01/2012</b>		<b>%</b>
	<b>VND</b>		<b>VND</b>		
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	94.844.680.000	100	94.844.680.000	100	100
<b>Cộng</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>100</b>	<b>94.844.680.000</b>	<b>100</b>	<b>100</b>

**c. Cổ phiếu**

	<b>31/12/2011</b>	<b>01/01/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.484.468	9.484.468
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.484.468	9.484.468
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.484.468	9.484.468
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.484.468	9.484.468
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.484.468	9.484.468
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

**d. Mục đích trích lập các quỹ**

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>13.370.162.499</b>	<b>6.287.928.004</b>
Trong đó:		
- Doanh thu tư vấn thiết kế	404.278.115	125.168.213
- Doanh thu xây dựng, dịch vụ xây lắp	10.101.843.554	1.820.624.908
- Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ khác	2.547.718.285	3.799.717.883
- Doanh thu cung cấp cáp	287.908.000	533.880.000
- Doanh thu dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	28.414.545	8.537.000

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Giá vốn tư vấn thiết kế	415.229.149	76.364.575
Giá vốn xây dựng, dịch vụ xây lắp	8.625.984.058	1.617.990.938
Giá vốn bán hàng hóa và dịch vụ khác	2.175.474.891	3.165.486.332
Giá vốn cung cấp cáp	271.212.455	493.445.952
Giá vốn dịch vụ bảo trì và bảo dưỡng cabin điện thoại	21.409.095	12.176.800
<b>Cộng</b>	<b><u>11.509.309.648</u></b>	<b><u>5.365.464.597</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Lãi tiền gửi	49.867.660	1.111.587.278
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.993.000	105.636.000
Lãi hợp tác đầu tư	-	-
Lãi trái phiếu chuyển đổi	-	-
Lãi cho vay	-	236.250.000
Lãi bán chứng khoán	463.873.860	-
Doanh thu tài chính khác	-	1.859.734
<b>Cộng</b>	<b><u>611.734.520</u></b>	<b><u>1.455.333.012</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Phí giao dịch chứng khoán	29.986.742	66.719.878
Phí chậm thanh toán	32.267.245	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(10.479.985.000)	-
Lỗi do kinh doanh chứng khoán	-	-
Chi phí lãi vay	331.687.500	-
Phí giao dịch ngân hàng	55.281.250	-
Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(10.030.762.263)</u></b>	<b><u>66.719.878</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Chi phí nhân viên	349.403.599	415.868.178
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	24.125.865
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.621.712	138.799.949
Chi phí khác	3.620.950	57.659.529
<b>Cộng</b>	<b><u>465.646.261</u></b>	<b><u>636.453.521</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<u>Số cuối quý 1/2012</u> VND	<u>Số cuối quý 1/2011</u> VND
Chi phí nhân viên	388.538.680	304.747.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.838.297	20.838.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.932.254	52.496.513
Chi phí khác	28.810.682	167.927.911
<b>Cộng</b>	<b><u>530.119.913</u></b>	<b><u>546.009.721</u></b>
<b>7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 25% trên thu nhập chịu thuế.		
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:		
	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.507.583.460	(7.745.143.019)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.065.519.715)	(2.162.383.696)
- Các khoản điều chỉnh tăng		60.000.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(10.065.519.715)	(2.222.383.696)
Tổng thu nhập chịu thuế	<u>1.442.063.745</u>	<u>(9.907.526.715)</u>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b> VND	<b>Năm trước</b> VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>360.515.936</b>	<b>-</b>
<b>8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<b>Năm nay</b> VND	<b>Năm trước</b> <b>(trình bày lại)</b> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.401.924.505	(7.745.143.019)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.401.924.505	(7.745.143.019)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	9.484.468	9.484.468
<b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>359</b>	<b>(817)</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong quý 1/2012 là 90.000.000 VND (số quý 1/2011 là 90.000.000 VND).

**2. Thông tin khác**

***Thay đổi chính sách kế toán***

Năm 2012, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BTC ngày 11 tháng 1 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung thuế GTGT.

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Trần Thị Phương Lan**

**Phạm Đình Dũng**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2012



**CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN LIÊN**  
86 Trần Trọng Cung, Q7, TP. HCM  
Tel : 7 732896 Fax: 7 732897  
Email: [unnico@hcm.vnn.vn](mailto:unnico@hcm.vnn.vn)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...../VL2012

TP.HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2012

V/v: Giải trình về biến động KQKD Quý I/2012  
So với Quý I/2011.

**KÍNH GỬI:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ tài chính , Công ty cổ phần Viễn Liên giải trình về biến động kết quả kinh doanh của Quý I/2012 tăng trên 10% so với Quý I/2011 như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1/2012	Quý 1/2011	% Biến động
Doanh thu	13.370.162.499	6.287.928.004	212.6%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.401.924.505	872.868.973	389.7 %

Nguyên nhân:

- Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh trong quý 1/2012 biến động tăng so với cùng kỳ báo cáo năm trước: Doanh thu quý 1/2012 tăng 212.6% so với cùng kỳ năm 2011 do Xí nghiệp Xây lắp đã quyết toán nhiều công trình trong quý 1/2012. Doanh thu của Xí nghiệp Xây lắp đạt được 10.101.843.554 đồng chiếm 75,6% trên tổng doanh thu trong kỳ báo cáo của Công ty.
- Trong kỳ Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính với số tiền là: 10.479.985.000 đồng.
- Vì vậy lợi nhuận trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm 2011 là 389.7%.

Trân trọng kính chào.

Tổng Giám đốc

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu.

**PHẠM ĐÌNH DŨNG**